

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

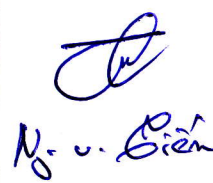

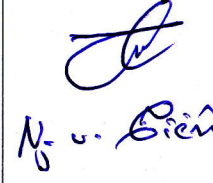

Đơn học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 40**

GD: **Nguyễn Văn Tiến (270020)**

Số SV có mặt: 25.....

Số bài thi: 25.....

Số tờ giấy thi: 25.....

Cán bộ coi thi 1  N. V. Dien	Cán bộ coi thi 2  T. Kiem	G.Viên chấm thi 1  N. V. Dien	G.Viên chấm thi 2  T. Kiem
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170694	TRINH MINH THANH	30/12/2004	CCQ2217R			Thanh	7,8	8,1	8,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170717	PHAN DUY TIẾN	19/05/2004	CCQ2217R			Phan	8,4	8,5	8,4	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170689	NGUYỄN THÁI TOÀN	27/09/2004	CCQ2217R			Toàn	8,6	8,4	8,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170687	PHẠM THÀNH TRÍ	03/06/2004	CCQ2217R			Tri	8,6	8,2	8,3	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170670	NGUYỄN HẢI TRIỀU	25/10/2004	CCQ2217Q			Haile	8,6	8,4	8,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170686	NGUYỄN TRẦN QUỐC TRUNG	29/01/2001	CCQ2217Q			HN41	8,6	8,4	8,1	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170675	ĐẶNG NHẬT TRƯỜNG	04/04/2004	CCQ2217Q			HN41	8,0	8,4	8,1	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170719	TRẦN ĐÌNH VĂN	12/07/2004	CCQ2217R			Van	8,1	8,3	8,2	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9





DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI


















Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Đơn học: Thực tập ngoài (227145) - Nhóm 37

Tên BGĐ: Nguyễn Văn Tiến (270020)

Số SV có mặt: 23.....
Số bài thi: 23.....
Số tờ giấy thi: 23.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Tiến	Cán bộ coi thi 2  Trần Kim	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Tiến	G.Viên chấm thi 2  Trần Kim
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170608	DƯƠNG HOÀNG ANH	07/01/2004	CCQ2217P				8,1	8,2	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2122170627	NGUYỄN TRỌNG DUY	03/02/2004	CCQ2217P				8,3	8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2122170620	NGUYỄN QUANG HẢI	08/12/2003	CCQ2217P				2,0	0,0	0,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2122170637	NGUYỄN VÕ ĐỨC	12/12/2004	CCQ2217P							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2122170607	PHẠM TRUNG HẬU	05/01/2004	CCQ2217P				8,0	7,6	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2122170609	PHẠM MINH HIẾU	18/05/2004	CCQ2217P				8,6	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2122170618	VÕ VĂN HOÀNG	24/07/2004	CCQ2217P				8,0	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2122170638	NGUYỄN PHẠM PHÚ HỘI	01/03/2004	CCQ2217P				8,6	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2122170644	ĐẶNG QUANG HUY	27/06/2002	CCQ2217P				8,5	8,3	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2122170629	TRẦN KHÁNH HUY	02/09/2003	CCQ2217P							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2122170619	PHẠM KHIÊM	22/02/2004	CCQ2217P				8,3	8,1	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2122170612	NGUYỄN QUANG LÂM	23/06/2004	CCQ2217P				8,0	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2122170623	LÊ ĐỨC MẠNH	03/04/2004	CCQ2217P				8,6	8,3	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2122170645	TRẦN MINH MÃN	11/10/2003	CCQ2217P							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2122170639	LÊ THANH NAM	17/07/2003	CCQ2217P				8,1	8,2	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2122170625	NGUYỄN VĂN NGỌC	02/09/2004	CCQ2217P				7,5	7,8	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2122170621	TRẦN THANH NGUYÊN	22/07/2004	CCQ2217P				8,3	7,5	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2122170624	NGUYỄN THANH PHÁT	19/02/2004	CCQ2217P				8,1	8,3	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2122170610	TRẦN ĐẠI PHÁT	27/01/2004	CCQ2217P				4,0	0,0	1,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2122170622	LÊ NHẬT PHONG	18/05/2004	CCQ2217P				8,1	8,3	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023




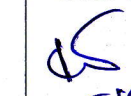
Đề thi: Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 37







GD: Nguyễn Văn Tiến (270020)

Số SV có mặt: 23.....

Số bài thi: 23.....

Số tờ giấy thi: 23.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
N. v. Tiến	T. Kim	N. v. Tiến	T. Kim

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170640	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	10/12/2004	CCQ2217P				8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170632	LÊ LÝ QUYỀN	23/10/2004	CCQ2217P				8,3	7,8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170633	LÊ MINH TÂM	23/02/2004	CCQ2217P				8,5	8,2	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170630	NGUYỄN VĂN THÀNH	25/08/2004	CCQ2217P				8,5	8,2	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170631	NGUYỄN VĂN TÍ	02/06/1999	CCQ2217P							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170606	LÊ VĂN TRƯỜNG	24/09/2004	CCQ2217P				8,6	8,4	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170616	LÊ LONG VŨ	24/01/2004	CCQ2217P				8,3	8,3	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9




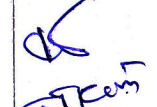
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập nguội (227145) - Nhóm 39**

CBGD: **Nguyễn Văn Tiến (270020)**

Số SV có mặt: 22.....
Số bài thi: 22.....
Số tờ giấy thi: 22.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn Tiến	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn Tiến	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Tiến	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Tiến
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170701	LƯU THANH CẢNH	24/10/2003	CCQ2217R			Cảnh	8,5	8,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170710	MAI LÊ VĂN CƯƠNG	16/08/2004	CCQ2217R			Cương	8,4	8,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170828	ĐỖ CÔNG DANH	30/12/1998	CCQ2217R			Danh	8,5	8,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170855	HỒ TẤN ĐẠT	22/04/2004	CCQ2217R			Đạt	8,1	8,1	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170714	NGUYỄN TẤN ĐẠT	21/12/2004	CCQ2217R			Đạt	8,1	8,4	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170718	LÊ VĂN HÀ	25/09/2004	CCQ2217R			Hà	8,1	8,3	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170722	TRẦN HUỖNH HIỆP	18/01/2004	CCQ2217R			Hiệp	8,6	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170690	TRẦN MẠNH HƯNG	11/06/2004	CCQ2217R			Hưng	8,0	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170713	DƯƠNG XUÂN KHÁNH	20/02/2004	CCQ2217R			Khánh	8,1	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170691	NGUYỄN NGỌC LONG	26/05/2004	CCQ2217R			Long	8,6	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170700	NGUYỄN THÀNH LUÂN	12/04/2004	CCQ2217R			Luân	7,9	8,2	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170720	PHAN VĂN NHẬT	26/10/2004	CCQ2217R			Nhật	3,0	0,0	1,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170721	NGUYỄN HUY NHẬT	17/09/2004	CCQ2217R			Nhật	7,7	8,4	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170723	NGUYỄN VĂN PHÁT	20/09/2004	CCQ2217R			Phát	7,3	8,1	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170707	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	30/01/2004	CCQ2217R			Phương	8,4	8,2	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170704	LÊ VĂN QUÂN	24/03/2004	CCQ2217R			Quân	8,0	8,1	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170699	ĐỖ MẠNH QUỲNH	25/10/2004	CCQ2217R							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170702	BÙI MINH SANG	28/10/2004	CCQ2217R			Sang	8,2	7,7	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170705	PHAN TRỌNG TẤN	25/09/2004	CCQ2217R			Tấn	7,5	8,2	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122170706	VÕ TRỌNG TẤN	19/05/2004	CCQ2217R			Tấn	7,7	7,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023





Đơn học: Thực tập nguội (227145) - Nhóm 39


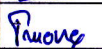
BGD: Nguyễn Văn Tiến (270020)

Số SV có mặt: 24.....


Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi: 22.....

Cán bộ coi thi 1  N. V. Bích	Cán bộ coi thi 2  TTKien	G.Viên chấm thi 1  N. V. Bích	G.Viên chấm thi 2  TTKien
---	---	--	--

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170703	TRẦN HOÀI THANH	25/01/2003	CCQ2217R				8,0	8,1	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122170724	TRẦN QUANG TRƯỜNG	03/05/2004	CCQ2217R				8,5	8,3	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

3 Ngọc Bách 

 8,1 8,1 8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Đơn học: Thực tập ngoài (227145) - Nhóm 27

BGD: Nguyễn Thanh Tâm (270007)

Số SV có mặt: 24.....
Số bài thi: 24.....
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>ƯCT</i> T. Danh Kiệt	Cán bộ coi thi 2 <i>HL</i> Ng T Tâm	G.Viên chấm thi 1 <i>ƯCT</i> T. Danh Kiệt	G.Viên chấm thi 2 <i>HL</i> Ng T Tâm
--	---	---	--

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170379	NGUYỄN CHẤN BẢNG	02/08/2004	CCQ2217J			<i>Bảng</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170401	LÊ BÙI NHẬT DUY	19/08/2004	CCQ2217J			<i>Duy</i>	7,3	8	7,7	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170357	HỒ TẤN ĐẠT	18/04/2004	CCQ2217J							Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170384	LƯU BÌNH ĐỨC	17/01/2004	CCQ2217J			<i>Đức</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170388	NGUYỄN TÀI EM	18/06/2004	CCQ2217J			<i>Em</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170391	TRẦN MINH HIỀN	23/05/2004	CCQ2217J			<i>Hiền</i>	5,3	6	5,7	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170395	NGUYỄN TIẾN HỮU	25/12/2002	CCQ2217J			<i>Hữu</i>	7,3	7	7,1	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170398	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	16/12/2004	CCQ2217J			<i>Khoa</i>	5,8	6	5,9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170389	NGUYỄN TUẤN KIẾT	29/11/2004	CCQ2217J			<i>Kiết</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170386	PHAN TRƯỜNG LUÂN	20/03/2004	CCQ2217J			<i>Luân</i>	7,5	8	7,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170382	UNG XUÂN NGHỊ	26/02/2004	CCQ2217J			<i>Nghị</i>	6,8	7	6,9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170378	LÊ ANH NHÂN	21/06/2004	CCQ2217J			<i>Nhan</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170397	VÕ THÀNH NHÂN	22/06/2004	CCQ2217J			<i>Nhan</i>	7,5	8	7,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170392	VÕ THÀNH NHƠN	15/12/2004	CCQ2217J			<i>Nhon</i>	6,8	8	7,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170375	TRẦN ĐĂNG QUÂN	27/07/2004	CCQ2217J			<i>Quan</i>	7,5	8	7,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170377	NGUYỄN HUỖNH NGỌC QUÝ	08/05/2003	CCQ2217J			<i>Quy</i>	6,5	7	6,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170385	BÙI CÔNG SẮC	19/11/2003	CCQ2217J			<i>Sac</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170381	CHÂU KHÁNH TÂN	19/04/2004	CCQ2217J			<i>Tan</i>	6,3	6	6,1	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170402	TRẦN ĐỨC THÀNH	02/04/2004	CCQ2217J			<i>Thats</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122170383	VĂN THÀNH THUẬN	05/02/2004	CCQ2217J			<i>Thuy</i>	6,0	6	6,0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Đơn học: **Thực tập ngoài (227145) - Nhóm 27**

BGD: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

Số SV có mặt: 24.....

Số bài thi: 24.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Ư</i> T. Danh Vết	Cán bộ coi thi 2 <i>M</i> Ng T Tâm	G.Viên chấm thi 1 <i>Ư</i> T. Danh Vết	G.Viên chấm thi 2 <i>M</i> Ng T Tâm
---	--	--	---

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170380	NGUYỄN THÀNH TIẾN	23/10/2003	CCQ2217J			<i>tiến</i>	6,5	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122170376	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	27/01/2004	CCQ2217J			<i>Trường</i>	6,8	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122170374	PHẠM ANH TUẤN	05/07/2004	CCQ2217J			<i>Tuấn</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122170403	PHAN THÀNH VŨ	08/03/2004	CCQ2217J			<i>Vũ</i>	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122170396	TRẦN MINH VƯƠNG	22/08/2004	CCQ2217J			<i>Vương</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 24**
CBGD: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

Số SV có mặt: 26.....
Số bài thi: 26.....
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>MƯ</i> T. Danh Vĩ	Cán bộ coi thi 2 <i>AL</i> Ng T Tâm	G.Viên chấm thi 1 <i>MƯ</i> T. Danh Vĩ	G.Viên chấm thi 2 <i>AL</i> Ng T Tâm
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170300	HOÀNG ĐỨC BÌNH	20/01/2004	CCQ2217H			<i>Bình</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170295	TRẦN VĂN DŨNG	21/06/2004	CCQ2217H			<i>Dũng</i>	6,3	6,0	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170299	LÊ NGỌC HÂN	08/03/2004	CCQ2217H			<i>Hân</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170314	Y KUEN	27/06/2001	CCQ2217H			<i>Kuen</i>	6,5	7,0	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170313	Y PHONG	03/10/2004	CCQ2217H			<i>Phong</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170296	PHẠM QUỐC HỮU	22/10/2004	CCQ2217H			<i>Hữu</i>	6,8	7,0	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170303	NGUYỄN TUẤN KHA	06/09/2004	CCQ2217H			<i>Kha</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170304	HOÀNG GIA KHANG	02/03/2004	CCQ2217H			<i>Khang</i>	6,3	6,5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170309	NGUYỄN LỢI	17/09/2004	CCQ2217H			<i>Lợi</i>	7,5	7,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170321	DƯƠNG MINH LƯƠNG	12/10/2003	CCQ2217H			<i>Lương</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170311	TRẦN VĂN LƯU	16/02/2004	CCQ2217H			<i>Lưu</i>	7,3	7,0	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170294	NGUYỄN HOÀNG NAM	13/09/2004	CCQ2217H			<i>Nam</i>	7,3	7,0	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170320	TRẦN ANH NHỰT	08/06/2004	CCQ2217H			<i>Nhật</i>	6,5	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170284	LÊ TUẤN PHÁT	02/12/2004	CCQ2217H			<i>Phát</i>	5,8	5,0	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170305	BÙI ĐỨC PHONG	15/03/2004	CCQ2217H			<i>Phong</i>	6,3	6,0	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170297	LÊ XUÂN QUỐC	04/06/2004	CCQ2217H			<i>Quốc</i>	6,5	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170317	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC SANH	16/08/2004	CCQ2217H							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170292	LƯƠNG VIỆT TÀI	26/07/2004	CCQ2217H			<i>Tài</i>	8,0	8,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170306	NGUYỄN CÔNG THÀNH	30/10/2004	CCQ2217H			<i>Thành</i>	6,3	6,0	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122170310	TRẦN HOÀNG THỨC	22/03/2004	CCQ2217H			<i>Thức</i>	6,5	7,0	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

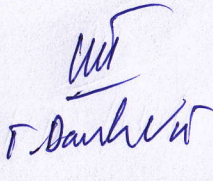
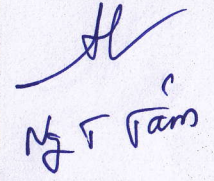
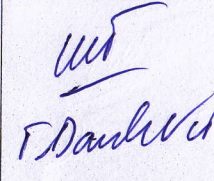
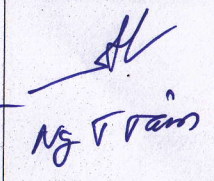
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

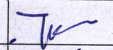
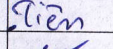
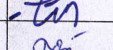
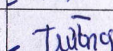
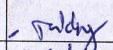
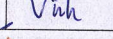

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 24**

CBGD: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

Số SV có mặt: 26.....
Số bài thi: 2.6.....
Số tờ giấy thi::.....

Cán bộ coi thi 1  T. Danh Việt	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Tâm	G.Viên chấm thi 1  T. Danh Việt	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Tâm
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170298	ĐẶNG NGỌC TIÊN	01/07/2004	CCQ2217H				7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122170302	VÕ ĐÌNH TIẾN	24/02/2003	CCQ2217H				8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122170301	TRẦN CÔNG TÍN	25/02/2004	CCQ2217H				7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122170293	TRẦN TRUNG TÍN	28/06/2004	CCQ2217H				5,8	6,0	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122170307	ĐỖ THANH TRƯỜNG	05/02/2004	CCQ2217H				7,0	7,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122170285	NGUYỄN TẤN TUỜNG	25/02/2004	CCQ2217H				7,8	8,0	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122170290	LÊ QUANG VINH	21/12/2004	CCQ2217H				6,0	6,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 32**

CBGD: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Mur</i> T. Danh Việt	Cán bộ coi thi 2 <i>HL</i> Ng. T. Tâm	G.Viên chấm thi 1 <i>Mur</i> T. Danh Việt	G.Viên chấm thi 2 <i>HL</i> Ng. T. Tâm
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170747	ĐẶNG ANH DŨNG	11/03/2004	CCQ2217LA			<i>Dung</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170780	LÊ XUÂN ĐẠT	30/07/2004	CCQ2217LB			<i>Dat</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170771	NGUYỄN DƯƠNG MINH ĐĂNG	26/08/2004	CCQ2217LB			<i>Minh</i>	5,5	6,0	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170762	QUÁCH ĐÌNH ĐỘ	26/05/2004	CCQ2217LB			<i>Do</i>	7,0	7,0	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170772	TRẦN PHI HẢI	29/02/2004	CCQ2217LB			<i>Hai</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170779	PHẠM TẤN HẬU	11/07/2004	CCQ2217LB			<i>Hau</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170777	PHẠM HOÀNG HIỆP	07/03/2004	CCQ2217LB			<i>Hiep</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170754	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	02/11/2004	CCQ2217LA			<i>Hieu</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170750	PHƯƠNG QUANG HUY	20/04/2004	CCQ2217LA			<i>Huy</i>	6,5	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170773	TRẦN QUANG HUY	10/10/2004	CCQ2217LB			<i>Huy</i>	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170776	NGUYỄN TUẤN KHÁI	11/01/2004	CCQ2217LB			<i>Khai</i>	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170775	NGUYỄN DUY KHANG	20/12/2004	CCQ2217LB			<i>Khang</i>	5,5	6,0	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170752	NGUYỄN TUẤN KIỆT	10/01/2004	CCQ2217LA			<i>Kiet</i>	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170767	BÙI CAO BẢO LÂM	21/07/2004	CCQ2217LB			<i>Lam</i>	8,0	8,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170753	NGUYỄN LÊN	06/04/2004	CCQ2217LA			<i>Len</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170766	NGUYỄN TRỌNG LỘC	14/03/2004	CCQ2217LB			<i>Loc</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170761	NGUYỄN TRẦN ĐỨC NHẬT	28/12/2004	CCQ2217LB			<i>Nhat</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170769	TRẦN MẠNH VŨ PHONG	06/11/2004	CCQ2217LB			<i>Phong</i>	6,8	6,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170770	ĐẶNG MINH THẮNG	20/01/2004	CCQ2217LB			<i>Thung</i>	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122170764	PHAN ĐỖ NHẬT THI	08/11/2004	CCQ2217LB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9